

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh chủng loại, giá mua xe ô tô và đơn vị được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng theo Đề án năm 2025

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 63/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 82/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ các Quyết định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao: số 49/QĐ-VKSTC ngày 02/6/2021 phê duyệt Đề án “Đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc cho ngành Kiểm sát nhân dân giai đoạn 2021-2025”; số 164/QĐ-VKSTC ngày 27/12/2024 phê duyệt điều chỉnh Đề án “Đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc cho ngành Kiểm sát nhân dân giai đoạn 2021-2025”; số 174/QĐ-VKSTC ngày 30/12/2024 về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025; Quyết định số /QĐ-VKSTC ngày /7/2025 phê duyệt điều chỉnh Đề án “Đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc cho ngành Kiểm sát nhân dân giai đoạn 2021-2025”;

Theo đề nghị của các đơn vị được trang bị xe ô tô, đề nghị của Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và của Cục trưởng Cục Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh chủng loại, giá mua xe ô tô và đơn vị được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng theo Đề án năm 2025 tại Phụ lục đính kèm Quyết định số 174/QĐ-VKSTC ngày 30/12/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 (Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc mua sắm tập trung theo nhiệm vụ và dự toán kinh phí năm 2025

được giao, theo đúng các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, pháp luật có liên quan và quy định của Ngành; bàn giao tài sản cho các đơn vị sử dụng theo đúng quy định.

Điều 3. Cục trưởng Cục Tài chính, Chánh Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các cấp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Viện trưởng VKSND tối cao (để báo cáo);
- Các đ/c Phó Viện trưởng VKSNDTC;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Kho bạc nhà nước;
- Cổng thông tin điện tử VKSTC (để đăng tải);
- Lưu: VP, Cục 3. Mai.100b

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Duy Giảng

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

PHỤ LỤC

TRANG BỊ XE Ô TÔ THEO ĐỀ ÁN CỦA NGÀNH KIỂM SÁT NHÂN DÂN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VKSTC ngày /8/2025 của Viện trưởng VKSND tối cao)

TT	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố	Xe phân bổ cho các đơn vị theo Quyết định 174/QĐ-VKSTC ngày 30/12/2024			Xe phân bổ cho các đơn vị theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 82/2025/QH15						
		Số lượng	Giá mua xe tối đa (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)	Xe 02 cầu 7 chỗ			Xe 12-16 chỗ			Tổng cộng (triệu đồng)
					Số lượng	Giá mua xe tối đa (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)	Số lượng	Giá mua xe tối đa (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)	
A	B	I	2	3=I*2	4	5	6=4*5	7	8	9=7*8	10=6+9
	Tổng cộng	262		395.702	215		306.750	45		49.050	355.800
1	An Giang	11	1.486	16.346	11	1.395,0	15.345	0	1090	0	15.345
2	Bắc Ninh	7	1.486	10.402	4	1.395,0	5.580	3	1090	3.270	8.850
3	Cà Mau	7	1.486	10.402	5	1.395,0	6.975	2	1090	2.180	9.155
4	Cần Thơ	7	1.486	10.402	7	1.395,0	9.765	0	1090	0	9.765
5	Cao Bằng	0	1.486	0		1.395,0	0	1	1090	1.090	1.090
6	Đà Nẵng	8	1.486	11.888	5	1.395,0	6.975	4	1090	4.360	11.335
7	Đắk Lắk	9	1.486	13.374	7	1.395,0	9.765	2	1090	2.180	11.945
8	Điện Biên	1	1.486	1.486	1	1.395,0	1.395	0	1090	0	1.395
9	Đồng Nai	10	1.486	14.860	9	1.395,0	12.555	1	1090	1.090	13.645
10	Đồng Tháp	8	1.486	11.888	7	1.395,0	9.765	1	1090	1.090	10.855
11	Gia Lai	10	1.486	14.860	8	1.395,0	11.160	2	1090	2.180	13.340
12	Hà Nội	9	1.486	13.374	8	1.395,0	11.160	2	1090	2.180	13.340
13	Hà Tĩnh	6	1.486	8.916	5	1.395,0	6.975	1	1090	1.090	8.065
14	Hải Phòng	7	1.486	10.402	6	1.395,0	8.370	1	1090	1.090	9.460
15	Hồ Chí Minh	14	1.486	20.804	13	1.395,0	18.135	2	1090	2.180	20.315
16	Hưng Yên	6	1.486	8.916	5	1.395,0	6.975	1	1090	1.090	8.065
17	Khánh Hoà	5	1.486	7.430	4	1.395,0	5.580	1	1090	1.090	6.670
18	Lai Châu	1	1.486	1.486	1	1.395,0	1.395	0	1090	0	1.395
19	Lâm Đồng	7	1.486	10.402	3	1.395,0	4.185	5	1090	5.450	9.635
20	Lạng Sơn	1	1.486	1.486	1	1.395,0	1.395	0	1090	0	1.395
21	Lào Cai	2	1.486	2.972	0	1.395,0	0	2	1090	2.180	2.180
22	Nghệ An	5	1.486	7.430	4	1.395,0	5.580	1	1090	1.090	6.670
23	Ninh Bình	7	1.486	10.402	4	1.395,0	5.580	3	1090	3.270	8.850
24	Phú Thọ	12	1.486	17.832	10	1.395,0	13.950	2	1090	2.180	16.130
25	Quảng Ngãi	9	1.486	13.374	9	1.395,0	12.555	0	1090	0	12.555
26	Quảng Ninh	5	1.486	7.430	4	1.395,0	5.580	1	1090	1.090	6.670
27	Quảng Trị	6	1.486	8.916	5	1.395,0	6.975	1	1090	1.090	8.065
28	Sơn La	3	1.486	4.458	2	1.395,0	2.790	1	1090	1.090	3.880
29	Tây Ninh	8	1.486	11.888	6	1.395,0	8.370	2	1090	2.180	10.550

TT	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố	Xe phân bổ cho các đơn vị theo Quyết định 174/QĐ-VKSTC ngày 30/12/2024			Xe phân bổ cho các đơn vị theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 82/2025/QH15						
		Số lượng	Giá mua xe tối đa (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)	Xe 02 cầu 7 chỗ			Xe 12-16 chỗ			Tổng cộng (triệu đồng)
					Số lượng	Giá mua xe tối đa (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)	Số lượng	Giá mua xe tối đa (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)	
A	B	1	2	3=1*2	4	5	6=4*5	7	8	9=7*8	10=6+9
30	Thái Nguyên	5	1.486	7.430	5	1.395,0	6.975	0	1090	0	6.975
31	Thanh Hoá	7	1.486	10.402	7	1.395,0	9.765	0	1090	0	9.765
32	Huế	3	1.486	4.458	2	1.395,0	2.790	1	1090	1.090	3.880
33	Tuyên Quang	6	1.486	8.916	5	1.395,0	6.975	1	1090	1.090	8.065
34	Vĩnh Long	9	1.486	13.374	9	1.395,0	12.555	0	1090	0	12.555
35	Văn phòng VKSND tối cao	12	1.486	17.832	12	1.395,0	16.740	1	1090	1.090	17.830
36	Viện Công tố & KSXX phúc thẩm tại Hà Nội	1	1.486	1.486	0	1.395,0	0	0	1090	0	0
37	Viện Công tố & KSXX phúc thẩm tại Đà Nẵng	3	1.486	4.458	0	1.395,0	0	0	1090	0	0
38	Viện Công tố & KSXX phúc thẩm tại Hồ Chí Minh	4	1.486	5.944	0	1.395,0	0	0	1090	0	0
39	Cơ quan Điều tra VKSND tối cao	15	1.486	22.290	15	1.395,0	20.925	0	1090	0	20.925
	Cơ quan Điều tra VKSND tối cao	4	2.300	9.200	4	2.300,0	9.200	0	1090	0	9.200
	Cơ quan Điều tra VKSND tối cao	1	4.600	4.600	1	4.600,0	4.600	0	1090	0	4.600
40	Trường Đại học Kiểm sát (Phân hiệu trường tại Tp Hồ Chí Minh)	1	1.486	1.486	1	1.395,0	1.395	0	1090	0	1.395

*** Ghi chú :** Giá mua xe tối đa nêu trên chưa bao gồm: lệ phí trước bạ, lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông; phí bảo hiểm; phí bảo trì đường bộ.